



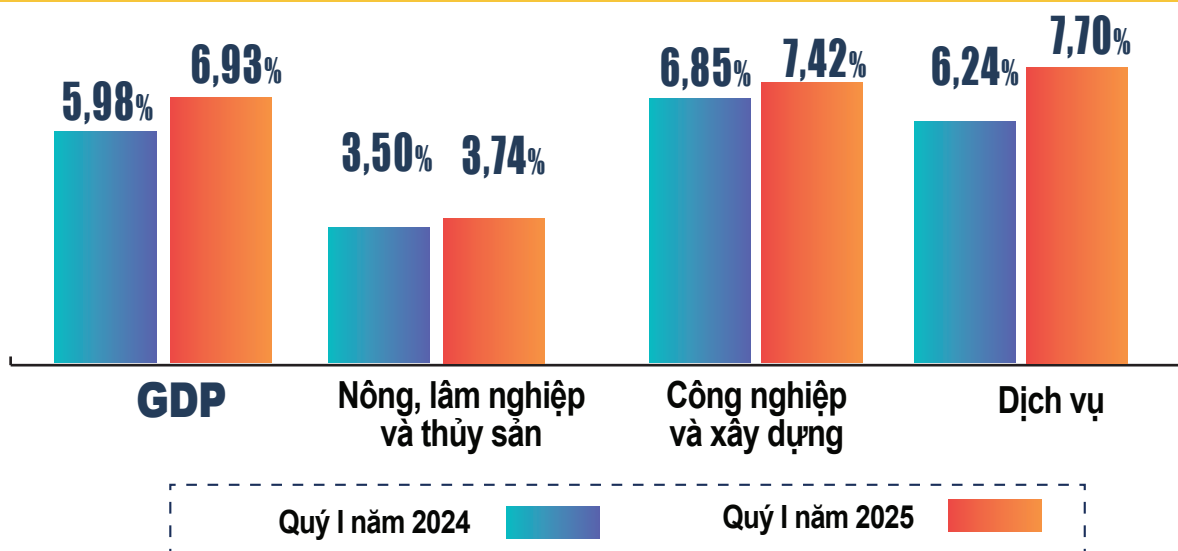
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

QUÝ I NĂM 2025

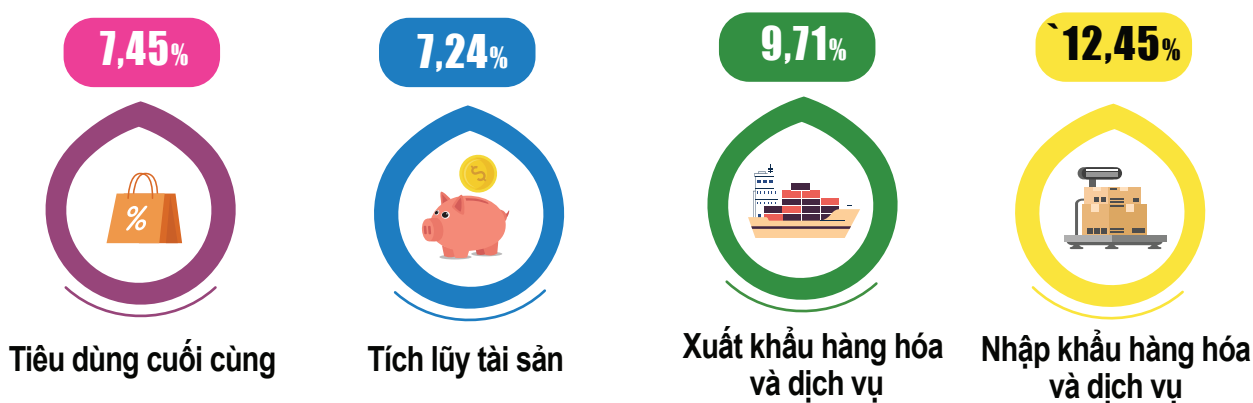


TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP)

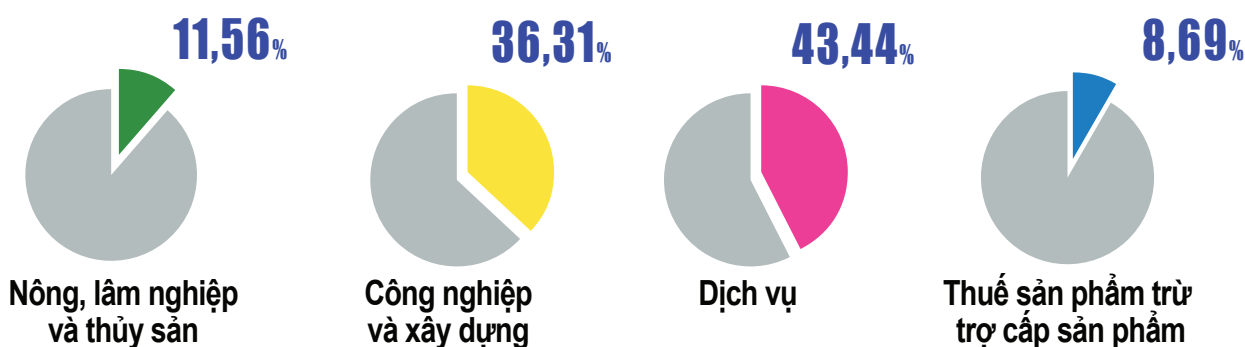
Tốc độ tăng GDP quý I so với cùng kỳ năm trước



Tốc độ tăng GDP theo phương pháp sử dụng quý I năm 2025



Cơ cấu GDP quý I năm 2025



SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Trồng trọt tính đến 20/3/2025

Diện tích gieo trồng lúa và hoa màu (Nghìn ha, tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước)



2.949,4

▲ 0,6%

Lúa Đông Xuân

191,8

▲ 4,8%

Lúa mùa vùng ĐB
sông Cửu Long

323,0

▲ 0,2%

Ngô

42,5

▼ 6,4%

Khoai lang

8,3

▼ 3,2%

Đậu tương

95,1

▼ 1,8%

Lạc

571,6

▲ 1,2%

Rau đậu

Số lượng gia súc, gia cầm cuối tháng 3/2025 so với cùng thời điểm năm trước

▲ **3,3%**



Lợn

▲ **3,2%**



Gia cầm

▼ **3,5%**



Trâu

▼ **0,1%**



Bò

Lâm nghiệp quý I năm 2025



45,6 nghìn ha
▲ 17,8%

Diện tích rừng trồng mới tập trung

4,3 triệu m³

▲ 16,6%



Sản lượng gỗ khai thác

Sản lượng thủy sản quý I năm 2025

Tổng số

1.993,4 nghìn tấn
▲ 2,8%

Nuôi trồng

1.113,6

nghìn tấn

▲ 5,1%

Khai thác

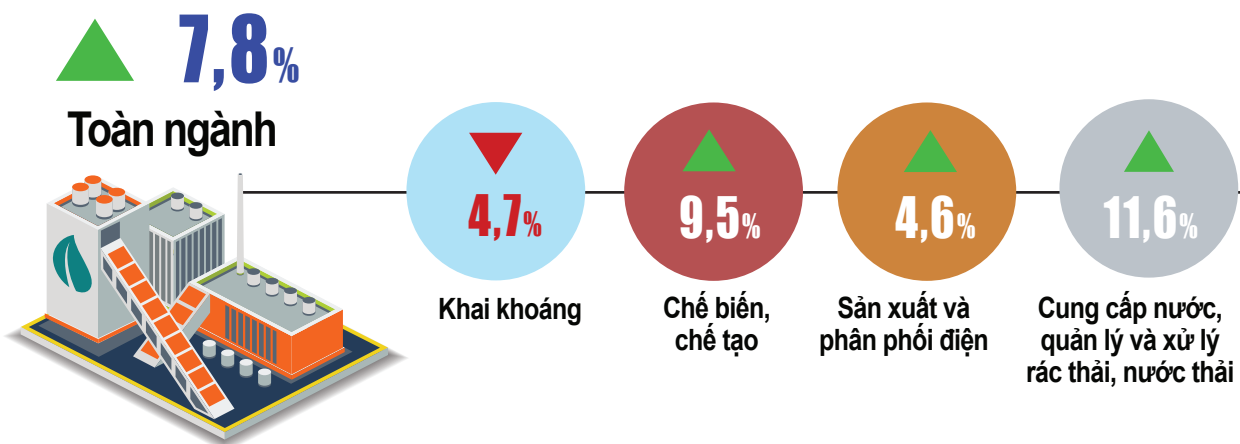
879,8

nghìn tấn

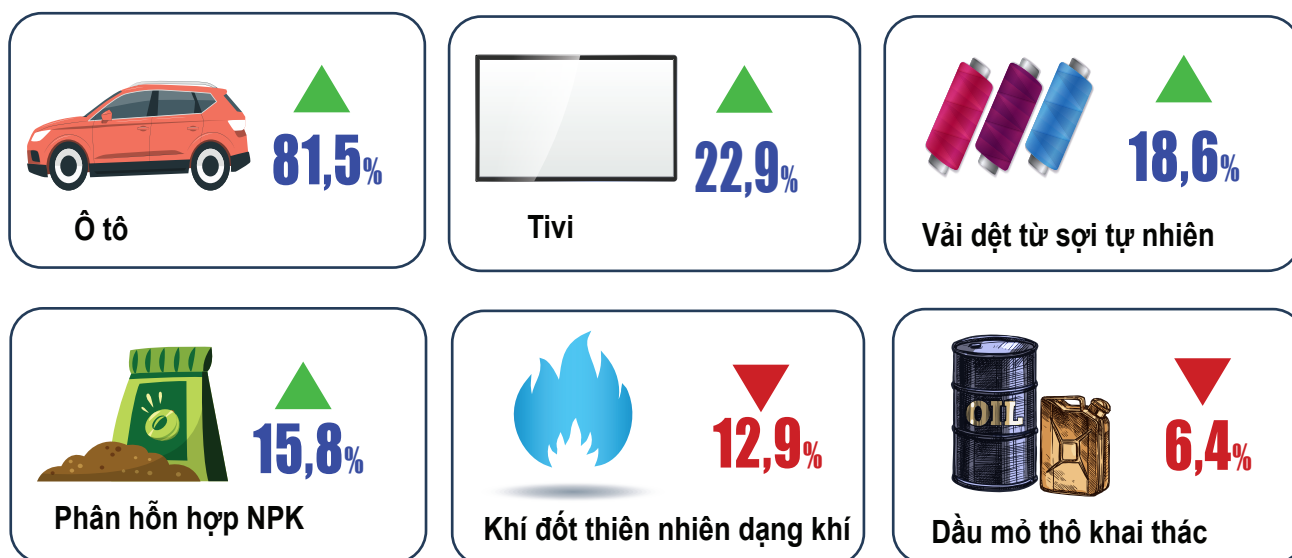
▲ 0,1%

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP QUÝ I NĂM 2025

Tốc độ tăng Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ năm trước

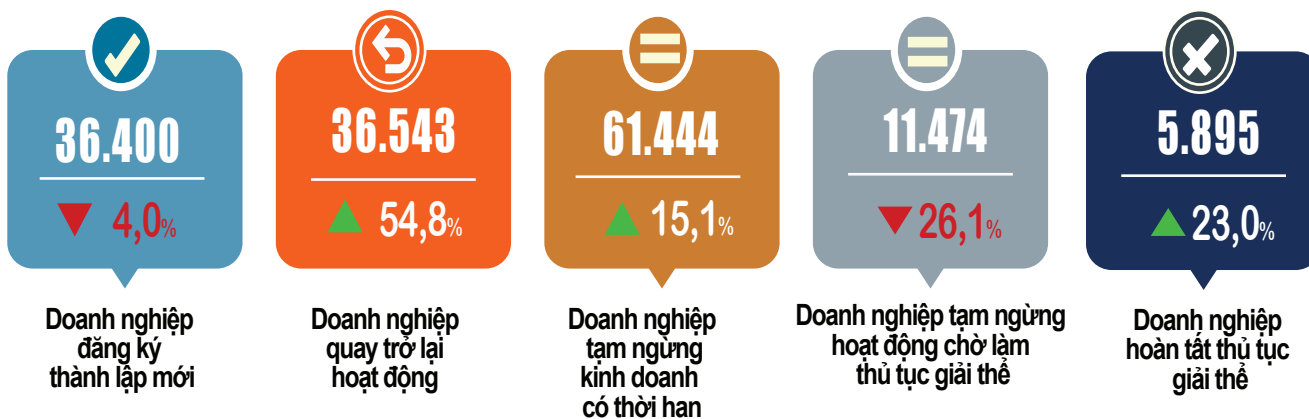


Tốc độ tăng/giảm một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu so với cùng kỳ năm trước



TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUÝ I NĂM 2025

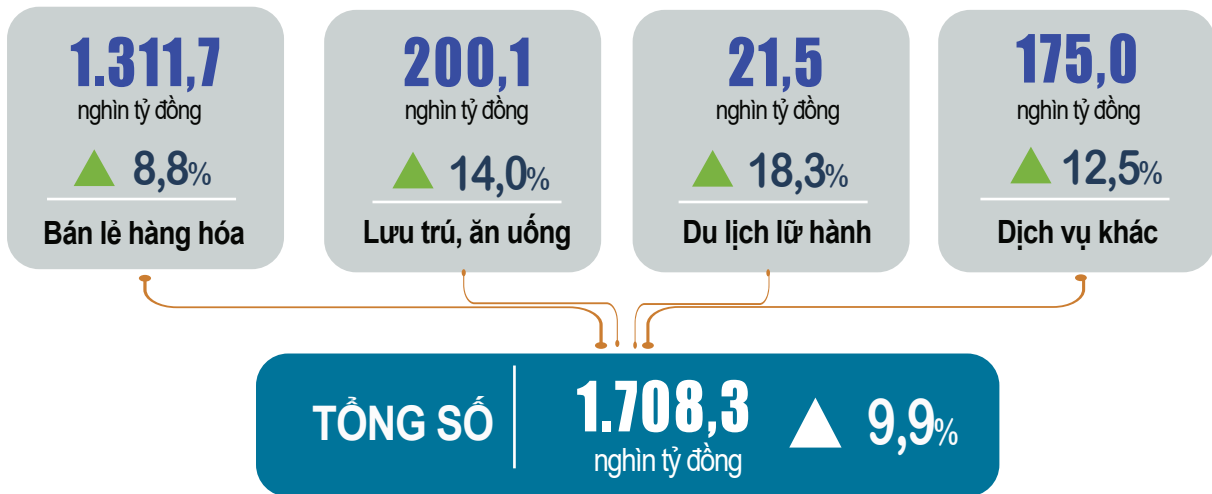
(Tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước)



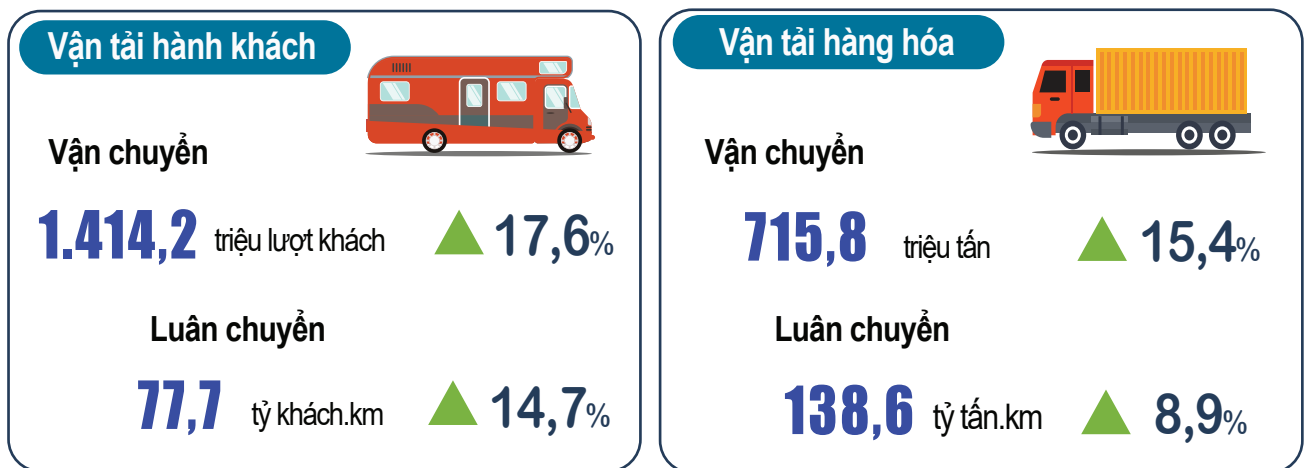
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUÝ I NĂM 2025

(Tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước)

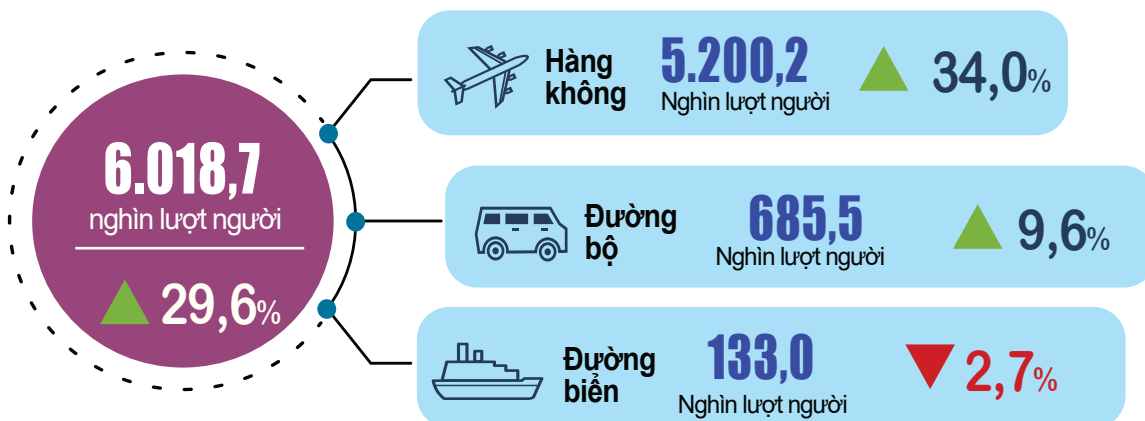
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng



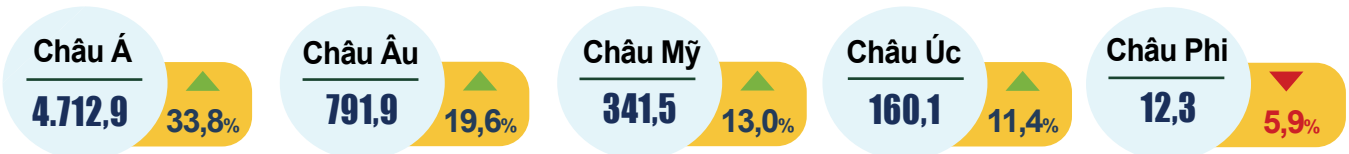
Vận tải hành khách và hàng hóa



Khách quốc tế đến Việt Nam



Phân theo vùng lãnh thổ (Nghìn lượt người)



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội
quý I năm 2025

Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam
từ 1/1 đến 31/3/2025

(Tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước)

Tổng số

666,5

nghìn tỷ đồng



8,3%

Tổng vốn đăng ký

10,98

tỷ USD



34,7%

Nhà nước

184,2

nghìn tỷ đồng



13,7%

Ngoài NN

361,5

nghìn tỷ đồng



5,5%

FDI

120,8

nghìn tỷ đồng



9,3%

Tổng vốn thực hiện

4,96

tỷ USD



7,2%

XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA QUÝ I NĂM 2025

(Tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước)

Xuất khẩu

102,84

tỷ USD



10,6%

TỔNG KIM NGẠCH

202,52

tỷ USD



13,7%

Nhập khẩu

99,68

tỷ USD



17,0%

XUẤT SIÊU

3,16

tỷ USD

CHỈ SỐ GIÁ

99,97%

CPI tháng 3/2025
so với
tháng trước

103,13%

CPI tháng 3/2025
so với
tháng 3/2024

103,22%

CPI BQ quý I
năm 2025 so với
cùng kỳ
năm trước

131,45%

Chỉ số giá vàng
BQ quý I năm 2025
so với cùng
kỳ năm trước

103,63%

Chỉ số giá đô la Mỹ
BQ quý I năm 2025
so với cùng
kỳ năm trước

MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI QUÝ I NĂM 2025

Lao động, việc làm

Lao động có việc làm



51,9 triệu người

▲ **532,1** nghìn người
so với cùng kỳ năm trước

Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động

2,20%



Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động

1,72%



Thu nhập bình quân tháng của lao động

8,3

triệu đồng/tháng



▲ **720** nghìn đồng
so với cùng kỳ năm trước

Dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm



Sốt phát ban

52,2

nghìn trường hợp

(**5** người tử vong)



Sốt xuất huyết

20,3

nghìn trường hợp

(**2** người tử vong)



Tay chân miệng

7,7

nghìn trường hợp

(**1** người tử vong)



Ngộ độc thực phẩm

10 vụ

62 người
bị ngộ độc

(**8** người tử vong)

Tai nạn giao thông

Số vụ tai nạn

4.536

Bình quân 1 ngày

50
Vụ

Số người chết

2.477

Bình quân 1 ngày

28
người

Số người bị thương

3.079

Bình quân 1 ngày

34
người